

Số: 27/2020/QĐST- HNGĐ

M, ngày 06 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 20/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Ngô Văn N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn V, xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N); Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 24/11/2019

Đại diện theo pháp luật của cháu Hoài A: Chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N); Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền:* Anh Ngô Văn N và chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N) kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 25/02/2019, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh N, chị Y đều làm đơn và đề nghị Tòa án nhân dân thị xã M công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự giữa anh và chị Y. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự* là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Sau khi cưới theo phong tục của địa phương, anh chị về chung sống tại xã N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống cùng nhau được khoảng 15 ngày thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Mặc dù hai bên và gia đình đã cố gắng tham gia hòa giải nhưng không thành. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 24/11/2019. Anh chị đều thỏa thuận thống nhất chị Y chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoài A, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Thỏa thuận trên của anh chị phù hợp quy định tại Điều 55, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức*: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn N và chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N) thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Ngô Văn N và chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N) xác định có 01 con chung là cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 24/11/2019. Anh chị thỏa thuận thống nhất, chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N) trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoài A cho đến khi cháu Hoài A thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngô Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N).

Vì lợi ích của con chung, Anh Ngô Văn N và chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N) có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh N có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Anh Ngô Văn N và chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N) thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Anh Ngô Văn N và chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N) thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Ngô Văn N và chị Đặng Thị Y (Tên gọi khác N) thỏa thuận thống nhất anh N tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004170 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Anh N đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Lâm